

Bản án số: 21/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 07/6/2019

V/v Tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN – TỈNH VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

2 Ông Trần Tú Anh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Kim Hồ – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long:***
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 87/2019/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019. Về việc: “ Xin ly hôn, nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 12, ấp P, xã T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Kỳ C, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Hộ khẩu: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2019 và đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 16/4/2019 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:

Chị và anh Trịnh Kỳ C cưới nhau vào năm 2009. Hôn nhân do đôi bên tự quen biết, tìm hiểu nhau trước, sau đó được sự chấp thuận của gia đình hai bên có tổ chức hôn lễ theo phong tục tại địa phương. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình ngày 22/6/2010. Nữ trang khi cưới gồm có 1,5 lượng vàng 24K, vợ chồng đã bán chi tiêu trong gia đình nay không còn nữa.

Sau khi cưới vợ chồng về sống tại ấp A, xã T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 7 năm và có 01 đứa con: Trịnh Ngọc K, sinh ngày 06/7/2010, đang sống với chị.

Về mâu thuẫn gia đình là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Chị và anh C thường hay gây gổ, cự cãi nhau trầm trọng, không còn tình cảm với nhau. Từ đó, vợ chồng đã ly thân từ ngày 01/4/2017 cho đến nay. Hiện vợ chồng mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề như sau :

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Kỳ C.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi con là Trịnh Ngọc K, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Anh Trịnh Kỳ C trình bày: Anh thống nhất với ý kiến của chị Nguyễn Thị Mỹ N về quan hệ hôn nhân, về mâu thuẫn vợ chồng, về con chung và tài sản chung. Nay anh đồng ý ly hôn chị Nguyễn Thị Mỹ N. Về con là Trịnh Ngọc K, anh đồng ý để chị N được nuôi con. Về tài sản vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa: Chị N vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Kỳ C; về con chung: Chị yêu cầu được nuôi con là Trịnh Ngọc K, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì chị Nguyễn Thị Mỹ N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết ly hôn với anh Trịnh Kỳ C là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh C đều thừa nhận là từ tháng 4/2017 đến nay hai người không còn chung sống với nhau, giữa hai người không hàn gắn được tình cảm. Anh C cũng thừa nhận là tình cảm vợ chồng không còn nữa và không thể hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn. Do đó, mâu thuẫn giữa chị N và anh C đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh C.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Trịnh Kỳ C có 01 con là Trịnh Ngọc K, sinh ngày 06/7/2010. Xét chị N yêu cầu được nuôi con là phù hợp bởi vì từ khi chị N và anh C sống ly thân với nhau thì chị N nuôi dưỡng con, anh C cũng đồng ý để chị N được trực tiếp nuôi cháu K. Theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con. Cháu Trịnh Ngọc K có bản khai là khi cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng là được sống với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận chị Nguyễn Thị Mỹ

N được trực tiếp nuôi con là cháu Trịnh Ngọc K. Chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị N nên được chấp nhận.

[4] Về quan hệ tài sản: không tranh chấp nên không giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Trịnh Kỳ C.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ N được trực tiếp nuôi con là Trịnh Ngọc K, sinh ngày 06/7/2010, anh Trịnh Kỳ C không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Trịnh Kỳ C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo lai thu số 0015414 ngày 12 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, chị Nguyễn Thị Mỹ N đã nộp đủ không phải nộp thêm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Bình Tân;
- THADS huyện Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũng